

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 94/2020/DS - ST

Ngày: 31- 12 - 2020

V/v tranh chấp về hụi và hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải;
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị D, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân B, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp của bà Dư: Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1962; địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 22-6-2020). “Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”

Bị đơn:

- Bà Lương Thị Kim D, sinh năm 1966;
- Chị Lâm Thị Tuyết A, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. “ Bà D, chị Tuyết A vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”

- Ông Lâm Hữu H, sinh năm 1964; Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (Chấp hành án tại Trại giam Cây Cày – Tổng cục VIII); “Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Đỗ Thị Th, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp Tân Tr B, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên ngày 10-5-2019 bà Tạ Thị D có cho bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H và chị Lâm Thị Tuyết A (con gái của bà D, ông H) mượn số tiền 25.000.000 đồng, khi mượn bà D, ông H, chị Tuyết A cùng ký tên vào giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 500.000 đồng/ 01 tháng; tuy nhiên việc đóng lãi không thường xuyên, chỉ đóng được tiền lãi là 3.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Ngoài ra bà D có đứng ra chơi hụi dùm cho bà D, ông H và chị Tuyết A 02 phần hụi trong 02 dây hụi của bà Đỗ Thị Thảo làm chủ thảo gồm:

- Dây thứ nhất 2.000.000 đồng, gồm 23 phần, khai ngày 06-3-2019 (AL), hụi kêu hốt vào kỳ thứ 3, giá bỏ hụi 650.000 đồng, số tiền được nhận hụi là 31.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng của chủ hụi, bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh còn lại số tiền 30.000.000 đồng, sau đó bà Dung có đóng lại đến tháng 03 năm 2020 (AL) thì ngưng, còn lại 10 **kỳ hụi chết** chưa đóng số tiền là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai 5.000.000 đồng/tháng gồm 23 phần, khai ngày 12-10-2019 (AL), lúc đầu vợ chồng bà Dung xin tham gia, hứa với bà Thảo để nuôi đến cuối kì mới hốt, nhưng đến kỳ thứ 4 ngày 12-01-2020 bà Dung xin được bỏ thăm hốt hụi, bà Thảo không đồng ý, bà Dự bảo lãnh dùm cho bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh bà Thảo mới đồng ý. Số tiền bỏ thăm hụi hốt là 1.700.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng; bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh nhận số tiền 75.200.000 đồng và không đóng lại kỳ nào, nên còn nợ 19 kỳ hụi chết số tiền 95.000.000 đồng.

Bà Dự yêu cầu bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A cùng có trách nhiệm trả cho bà tiền nợ vay (gồm nợ gốc và tiền lãi) và nợ hai dây hụi tổng cộng là 141.037.000 đồng; đến ngày 09-12-2020 bà Mai rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm **tiền lãi 1.037.000 đồng và tiền vay 8.963.000 đồng** (tổng cộng số tiền 10.000.000 đồng), yêu cầu bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh trả 03 khoản nợ trên với số tiền 131.037.000 đồng.

Trong qua trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A trình bày như sau:

Bà Lương Thị Kim D thừa nhận có vay của bà Tạ Thị D số tiền 25.000.000 đồng và có nhờ bà Dự tham gia dùm hai phần hụi của bà Thảo làm chủ hụi như lời bà Dự trình bày. Nợ tiền vay bà đồng ý trả; nợ tiền 01 phần hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-3-2019 (AL) bà đã ngưng đóng, còn nợ lại bà Dự số tiền 20.000.000 đồng hụi chết, bà cũng đồng ý trả. Tuy nhiên đối với dây hụi 5.000.000

đồng/tháng khai ngày 12-10-2019 (AL), bà Dự yêu cầu bà, ông Hùng, chị Tuyết Anh cùng trả số tiền 95.000.000 thì bà không đồng ý vì trước đó bà có mượn tiền góp bà Dự số tiền là 61.000.000 đồng, góp dần số tiền trên hàng ngày. Nhưng không có tiền góp nữa nên bà có xin hốt dây hui 5.000.000 đồng mà bà Dự chơi dùm nhưng bà Thảo không đồng ý, bà tiếp tục xin bà Dự cho bà góp mỗi tháng 10.000.000 đồng, bà Dự không đồng ý, bà mới yêu cầu bà Dự đứng ra hốt dây hui 5.000.000 đồng (khai ngày 12-10-2019 AL) trừ nợ tiền góp cho bà; giá khai (bỏ thăm hốt hui) để được hốt hui là 1.500.000 đồng, nhưng bà Dự tính là 1.750.000; số tiền được nhận hui sau khi trừ cò và nợ tiền góp bà Dự chỉ đưa bà còn đứng 9.000.000 đồng. Tuy nhiên bà vẫn đồng ý còn nợ bà Dự 03 khoản tiền trên gồm: 25.000.000 đồng tiền vay, 20.000.000 đồng tiền hui dây 2.000.000 đồng, 61.000.000 đồng tiền hui của dây 5.000.000 đồng; tổng cộng số tiền là 106.000.000 đồng. Bà là người trực tiếp nhận tiền vay, tiền hui của bà Dự, ông Hùng chồng bà và con bà – chị Tuyết Anh không liên quan trong vụ án này. Đến ngày 09-12-2020 bà làm bản khai bổ sung và cùng thừa nhận với đại diện theo ủy quyền của bà Dự là bà Đỗ Thị Mai, hai bên chấp nhận và chốt lại số tiền bà còn nợ của bà Dự 03 khoản trên là 131.037.000 đồng.

Ông Lâm Hữu H tại biên bản lấy lời khai ngày 09-9-2020 (bút lục số 25) trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Dự, và thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông; tuy nhiên việc vay mượn tiền qua lại giữa bà Dự và vợ ông như thế nào ông không nắm rõ, ông đang chấp hành án trong trại giam vì vậy trách nhiệm trả nợ là của bà Dung; ông xin bà Dự xem xét cho vợ chồng ông chỉ trả cho bà Dự 03 khoản nợ trên số tiền 70.000.000 đồng.

Chị Lâm Thị Tuyết A tại bản tự khai ngày 20-8-2020 (bút lục số 16) trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Dự, việc làm ăn qua lại giữa bà Dung và bà Dự chị hoàn toàn không biết. Chị ký tên vào hai giấy hui và giấy mượn tiền vì bà Dự kêu chị ký bà Dự mới giao tiền cho bà Dung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị Thảo trình bày:

Bà có cho bà Tạ Thị D (Bé) tham gia 02 dây hui, dây 2.000.000 đồng khai ngày 06-3-2019 (AL) và dây hui 5.000.000 đồng khai 12-10-2019(AL) như bà Dự trình bày; dây hui 5.000.000 đồng, bà biết bà Dự chơi hui dùm bà Dung, đóng được vài kỳ bà Dung có xin bà hốt nhưng bà không đồng ý, vì lúc mới tham gia bà Dung hứa với bà đến cuối kỳ hui bà Dung mới hốt hui. Sau đó giữa bà Dự và bà Dung thỏa thuận như thế nào bà không biết; nhưng khoảng tháng 12 năm 2019 (AL) bà Dự xin hốt hui; bà Thảo đồng ý với điều kiện bà Dự là người có trách nhiệm đóng hui cho bà. Hiện bà Dự vẫn đóng hui chết đầy đủ cho bà nên trong vụ án này bà không có yêu cầu gì đối với bà Dự và bà Dung.

Tại phiên tòa:

Bà Mai, bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh, bà Thảo vắng mặt.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng

đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tổng đạt đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18, 23 Nghị định 19/2019 về hội Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP về lãi, lãi suất; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị D đối với bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A buộc bà Liên, ông Hùng, chị Tuyết Anh trả số tiền 131.037.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dự đối với bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh số tiền 10.000.000 đồng.

Bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Thị Mai, bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản, về hội giữa nguyên đơn bà Tạ Thị D và các bị đơn được xác lập, thể hiện qua “Giấy mượn tiền” ngày 10-5-2019 (bút lục số 45); “Giấy hót hội” ngày 16-5-2020 (bút lục số 46); “Giấy hót hội” ngày 18-01-2020 (bút lục số 44), Danh sách hội viên, lời trình bày của bà Đỗ Thị Thảo (bút lục số 42). Tất cả các văn bản, lời trình bày trên đã được bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A thừa nhận là có biết nội dung và có ký tên khi giao kết hợp đồng; các bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các nội dung trên đã được các bên đương sự thừa nhận nên Tòa không phải chứng minh.

Bị đơn ngưng không đóng phần hội 2.000.000 đồng và phần hội 5.000.000 đồng và không thanh toán lãi hàng tháng đối số tiền nợ đã vay 20.000.000 đồng như thỏa thuận, vì vậy đã không thực hiện nghĩa vụ, vi phạm hợp đồng.

[2.2] Đối với lời trình bày của bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh rằng bà Dung là người trực tiếp nhận tiền vay và tiền hội từ bà Dự. Ông Hùng, chị Tuyết Anh không liên quan trong vụ án, không phải có trách nhiệm thanh toán tiền như yêu cầu khởi kiện của bà Dự; tuy nhiên tại các biên bản làm việc, chị Lâm Thị Tuyết A, ông Lâm Hữu H thừa nhận có ký 02 giấy nhận hội (bút lục số 44, 46), giấy mượn tiền (bút lục số 42) và có biết việc bà Dự và bà Dung có qua lại giao dịch tiền với nhau; chị Tuyết Anh cũng thừa nhận rằng chỉ khi chị ký vào các giấy tờ trên thì bà Dự mới đồng ý cho bà Dung vay tiền và hót hội. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-9-2020 ông Hùng yêu cầu bà Dự tạo điều kiện cho gia đình ông được trả nợ, xin

giảm tiền nợ hui và nợ vay còn lại 70.000.000 đồng. Bà Dung, Ông Hùng, chị Tuyết Anh cho rằng ông Hùng, chị Tuyết Anh không biết nên không có trách nhiệm với bà Dung trả tiền nợ hui và nợ vay cho bà Dự, tuy nhiên bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh không cung cấp các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình, đồng thời bà Dự cũng không thừa nhận, do đó không có cơ sở xem xét.

Trên cơ sở đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị D đối với bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A buộc bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh có trách nhiệm trả cho bà Tạ Thị D số tiền vay 25.000.000 đồng và tiền lãi 1.037.000 đồng; đây hui 2.000.000 còn 10 kỳ chưa đóng số tiền là 20.000.000 đồng; đây hui 5.000.000 còn 19 kỳ hui chưa đóng với số tiền 95.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 141.037.000 đồng.

[2.3] Ghi nhận bà Dự rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi 1.037.000 đồng và 8.963.000 đồng (tổng cộng 10.000.000 đồng) trong phần nợ vay 25.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dự số tiền 10.000.000 đồng (gồm tiền lãi 1.037.000 đồng 8.963.000 đồng tiền nợ vay) đối với bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh.

Bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh có trách nhiệm thanh toán cho bà Tạ Thị D số tiền còn lại là 131.037.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A có trách nhiệm trả số tiền 131.037.000 đồng cho bà Tạ Thị D nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 6.551.850 đồng (làm tròn là 6.552.000 đồng). Bà Dự không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Dự số tiền 3.252.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000764 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186, 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí;
- Căn cứ Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ “Về họ, hui, biên, phường”;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị D về việc Tranh chấp về hui và hợp đồng vay tài sản.

Buộc của bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A cùng có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị D số tiền 131.037.000 đồng (một trăm ba mươi một

triệu không trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó tiền nợ vay là 16.037.000 đồng, tiền nợ hui là 115.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi số tiền 10.000.000 đồng của bà Tạ Thị D đối với bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A.

Kể từ ngày bà Tạ Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết A không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Dung, ông Hùng, chị Tuyết Anh còn phải trả cho bà Dự số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Lương Thị Kim D, ông Lâm Hữu H, chị Lâm Thị Tuyết phải chịu 6.552.000 (sáu triệu năm trăm năm mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tạ Thị D không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà Dự 3.252.000 (ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000764 ngày ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- THA Dân sự huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Đã ký

Nguyễn Thị Kiều Thanh